

Số: 178/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Mỹ Lợi và bà Huỳnh Thị Thanh Trúc.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 378/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 và thụ lý thay đổi, bổ sung số: 921/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bạch H, sinh năm 1966.

Căn cước công dân số: 087166006226, cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Cao Thị Mỹ X, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2024).

1.2. Bị đơn:

1.2.1. Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1962.

Căn cước công dân số: 087062008278, cấp ngày 25/8/2022.

1.2.2. Ông Lê Minh T, sinh năm 1964.

Căn cước công dân số: 087064019316, cấp ngày 27/8/2022.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số C, khu phố C, phường S, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2024).

1. 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Bà **Lê Thị M1**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **Khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.**

1.3.2. Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **Tổ A, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp.**

1.3.3. Anh **Lê Trí C**, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 087090023056, cấp ngày 11/8/2021.

1.3.4. Anh **Lê Khánh L**, sinh năm 1994.

Căn cước công dân số: 087094009840, cấp ngày 11/8/2021.

Cùng địa chỉ: **Tổ A, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.**

Người đại diện theo ủy quyền của anh **C** và anh **L**: Bà **Cao Thị Mỹ X**. Thông tin: Như trên (theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà **Lê Thị Bạch H** được chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 1.250,2m² thể hiện theo các mốc 2D, 5, 6, 7, 2D thuộc một phần thửa đất số 59 và diện tích 394,0m² thể hiện theo các mốc 2D, 3D, 4, 5, 2D thuộc một phần thửa đất số 50; cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại **xã P, tỉnh Đồng Tháp** (trước là **xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**), cấp cho **H2** bà **Lê Thị Đ** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Ông **Lê Hoàng M**, ông **Lê Minh T**, bà **Lê Thị M1** và bà **Lê Thị H1** có chung quyền sử dụng đất diện tích 4.345,8m² thể hiện theo các mốc 1, 2, 2A, 2B, 2C, 2D, 7, 8, 9, 10, 11, 1 thuộc một phần thửa đất số 59 và diện tích 1.540,0m² thể hiện theo các mốc 2, 3, 3A, 3B, 3C, 3D, 2D, 2C, 2B, 2A, 2 thuộc một phần thửa đất số 50; cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại **xã P, tỉnh Đồng Tháp** (trước là **xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**), cấp cho **H2** bà **Lê Thị Đ** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.3. Bà **Lê Thị Bạch H**, ông **Lê Hoàng M**, ông **Lê Minh T**, bà **Lê Thị M1** và bà **Lê Thị H1** có chung quyền sử dụng đất diện tích 810,0m² thể hiện theo các mốc 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 19A, 20, 21, 21A, 22, 12 thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại **xã P, tỉnh Đồng Tháp** (trước là **xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**), cấp cho **H2** bà **Lê Thị Đ** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thuộc các thửa đất nêu trên để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo nội dung Quyết định của Tòa án.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 07/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ1, tỉnh Đồng Tháp).

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1. Bà Lê Thị Bạch H, ông Lê Hoàng M, ông Lê Minh T, bà Lê Thị M1 và bà Lê Thị H1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2.4.2. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Bạch H số tiền tạm ứng án phí 1.720.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai số 0013686 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp).

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Tổng cộng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 11.582.150 đồng (Trong đó: Bà Lê Thị Bạch H phải chịu 2.283.000 đồng, tương đương giá trị tài sản được chia và 230.000 đồng tương đương phần tài sản thuộc quyền sử dụng chung; phần còn lại gồm ông Lê Hoàng M, ông Lê Minh T, bà Lê Thị M1 và bà Lê Thị H1, mỗi người phải chịu 2.273.000 đồng tương ứng phần tài sản thuộc quyền sử dụng chung). Bà H đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền 11.582.150 đồng và chi xong nên ông M, ông T, bà M1 và bà H1, mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H số tiền 2.273.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Anh